

Bản án số: 93/2021/HS - ST

Ngày: 28/12/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đào Văn Hoàn và bà Trần Thị Khanh.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Mạnh Hà- Thư ký Tòa án nhân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 90/2021/TLST-HS ngày 17/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét số 92/2021/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 12 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị N- sinh năm: 1962; Nơi sinh: xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: thôn A, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương; Trình độ học vấn: 5/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn N8 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N9; có chồng là Trần Xuân N7 và 03 con (con lớn nhất sinh năm 1982, con nhỏ nhất sinh năm 1989); tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 23/12/2008, Công an huyện Cẩm Giàng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/8/2021 (có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: Vũ Văn S - sinh năm: 1973; Nơi sinh: xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Vũ Văn S9 (ông S9 được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì); con bà Bùi Thị S8; Gia đình

có 7 anh em, bị cáo là thứ bảy; vợ Vũ Thị S7. Bị cáo có 03 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2012;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 07/2007/HSST ngày 13/02/2007 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc (đã chấp hành xong hình phạt).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/8/2021 (có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: **Kim Sơn H** - sinh năm: 1980; Nơi sinh: xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Kim Sơn H9 (ông H9 được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhất); con bà Hoàng Thị H8 (bà H8 được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất năm 1997); Gia đình có 2 anh em, bị cáo là thứ nhất; Vợ: Đỗ Thị H7; bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2005;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/8/2021 (có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

4. Họ và tên: **Vũ Đình H1** - sinh năm: 1980; Nơi sinh: xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Vũ Đình H3 (ông H3 được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất); con bà Nguyễn Thị H4; Gia đình có 4 anh em, bị cáo là thứ tư; Vợ: Nguyễn Thị H5; Bị cáo có 04 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 30/01/2008, bị Công an huyện Cẩm Giàng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/8/2021 (có mặt tại phiên tòa).

5. Họ và tên: **Đặng Thị N1** - sinh năm 1984; Nơi sinh: Xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh; Nơi cư trú: thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đặng Hồng N3 và bà Vũ Thị N4; Gia đình có 3 chị em, bị cáo là thứ nhất; chồng Trần Đình N5; Bị cáo có 03 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/8/2021 (có mặt tại phiên tòa).

6. Họ và tên: Trần Đình H2 - sinh năm: 1982; Nơi sinh: xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Trần Đình Z (ông Z được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng ba và Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất) và bà Đỗ Thị W; Gia đình có 3 anh em, bị cáo là thứ nhất; vợ Đặng Thị R; Bị cáo có 03 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 06/7/2004, bị Công an huyện Cẩm Giàng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc; Ngày 30/10/2017, bị Công an huyện Cẩm Giàng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/8/2021 (có mặt tại phiên tòa).

7. Họ và tên: Trần Đình T - sinh năm: 1989; Nơi sinh: xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: thôn A, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Trần Xuân P và bà Nguyễn Thị P1; Gia đình có 3 anh em, bị cáo là thứ ba; vợ Nguyễn Thị P2; Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/8/2021 (có mặt tại phiên tòa).

8. Họ và tên: Nguyễn Văn Đ - sinh năm: 1982; Nơi sinh: xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: Thôn A, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Phạm Thị Đ2; Gia đình có 3 anh em, bị cáo là thứ ba; vợ Trần Thị Đ3; Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2012;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/8/2021 (có mặt tại phiên tòa).

***Người làm chứng :**

- Anh Nguyễn Đức Đ4, sinh năm 1973.
- Ông Trần Xuân P, sinh năm 1960.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 29/8/2021, Vũ Văn S, Kim Sơn H, Vũ Đình H1 đi bộ đến nhà Nguyễn Thị N, ở thôn A, xã L, huyện C chơi. Tại đây, S, Sơn H rủ nhau đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh Liêng và được N đồng ý tham gia cùng. N lấy bộ bài tú lơ khơ 52 quân có sẵn trong nhà; cả nhóm thống nhất cách thức chơi và mức độ sát phạt như sau: Trước khi đánh bạc thì mỗi người chơi phải đặt 20.000đ gọi là tiền gà, sau đó người cầm cái chia bài cho mỗi người ba quân và là người được tổ trước, nếu không tổ thì những người bên cạnh sẽ được tổ theo thứ tự từ trái sang phải. Lần lượt người tham gia có thể theo tổ, nếu không theo tổ thì úp bài xuống, người nào theo thì đặt tiếp số tiền tổ vào tiền gà nhưng không quá 100.000đ, người úp bài sẽ bị mất 20.000đ đã đặt vào tiền gà trước đó, còn những người theo tổ sẽ so điểm với nhau. Nếu bài người chơi có 3 quân liền kề nhau không cùng chất nhưng theo thứ tự tăng dần; Q, K Át là to nhất của Liêng, ngoài ra 3 quân cùng loại gọi là Sáp, trong đó 3 quân Át là to nhất, 3 quân 2 là nhỏ nhất. Nếu không có Liêng hoặc Sáp thì những người chơi sẽ cộng và tính điểm 3 quân bài trên tay theo quy ước 10, J, Q, K là không điểm; Át là 1 điểm, 2 là 2 điểm ... 9 là 9 điểm. Bài có tổng số điểm 9 là to nhất; nếu trong trường hợp có hai hoặc nhiều người bằng điểm nhau thì tính đến chất, lớn nhất là rô rồi đến cơ, tép, bích. Át là to nhất rồi đến K, Q ... và 2 là nhỏ nhất. Người thắng ván trước sẽ là người cầm cái và chia bài cho ván sau. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày N, S và Sơn H bắt đầu chơi bài tại nền nhà phòng khách của N; Đình H1 ngồi xem đến gần 11 giờ thì vào tham gia chơi cùng. Khoảng 12 giờ cùng ngày, Đặng Thị N1, Trần Đình T, Trần Đình H2 đến nhà N và cũng vào chơi. Quá trình các đối tượng chơi có anh Nguyễn Đức Đ5 và Nguyễn Văn Đ đến ngồi xem.

Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, S đi vệ sinh thì Đ ngồi vào vị trí của S và cầm tiền của S (để dưới nền nhà) tham gia chơi cùng mọi người. Đến 12 giờ 40 phút cùng ngày thì bị phát hiện, thu giữ tại vị trí chơi 10.960.000đ, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; thu giữ trong người S 2.590.000đ dùng để đánh bạc; thu giữ trong người Đ 2.500.000đ không sử dụng đánh bạc.

Quá trình điều tra xác định tổng số tiền các bị cáo đánh bạc là 13.550.000đ gồm: 10.960.000đ thu tại vị trí ngồi chơi và 2.590.000đ của S dùng để đánh bạc. Trước khi chơi N có 800.000đ; Sơn H có 2.100.000đ; S có 3.400.000đ, Đình H1 có 3.500.000đ, N1 có 1.000.000đ, H2 có 2.000.000đ; T có 200.000đ. Tổng số tiền các bị cáo khai dùng để đánh bạc là 13.000.000đ, không phù hợp với số tiền Cơ quan điều tra thu giữ tại vị trí đánh bạc và trong người bị cáo S là 13.550.000đ. Quá trình điều tra không chứng minh được số tiền chênh lệch là của ai.

Tại bản cáo trạng số 90/CT-VKS ngày 17/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Thị N, Kim Sơn H, Vũ Văn S, Vũ Đình H1, Đặng Thị N1, Trần Đình T, Trần Đình H2, Nguyễn Văn Đ về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính: Tuyên các bị cáo: Nguyễn Thị N, Vũ Văn S, Kim Sơn H, Vũ Đình H1, Đặng Thị N1, Trần Đình H2, Trần Đình T, Nguyễn Văn Đ phạm tội Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị N, Kim Sơn H, Vũ Đình H1, Trần Đình H2.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 09 - 12 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 18 tháng -24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Đình H1 từ 08 tháng - 10 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 16 tháng - 20 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đề nghị xử phạt bị cáo Kim Sơn H từ 7 - 9 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 14 - 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Đình H2 từ 7 - 9 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 14 - 18 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ Văn S. Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn S từ 9-12 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 18 tháng -24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đặng Thị N2, Trần Đình T.

Đề nghị xử phạt bị cáo Đặng Thị N2 từ 8 -10 tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo Trần Đình T từ 7 - 9 tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan được giao giám sát giáo dục nhận được quyết định thi hành bản án.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 5% -10% thu nhập hàng tháng của các bị cáo Đặng Thị N2, Trần Đình T để sung quỹ nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ.

Đề nghị phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn Đ số tiền từ 22.000.000 đồng - 27.000.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b, c khoản 2; khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 13.550.000đ; tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân. Trả lại Nguyễn Văn Đ số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng) nhưng bảo thủ thi hành án.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: các bị cáo khai trong quá trình điều tra do hoảng sợ nên khai số tiền sử dụng đánh bạc tổng là 13.000.000đ là chưa chính xác; nay tại phiên tòa các bị cáo đều thống nhất xác nhận lại tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc đúng là 13.550.000đ nhưng các bị cáo không xác định được tiền của mỗi người mang đi cụ thể bao nhiêu.

Các bị cáo không tranh luận; lời nói sau cùng đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Giàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 10h30 phút đến 12h 40 phút ngày 29/8/2021, tại nhà ở của Nguyễn Thị N tại thôn A, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Thị N đã cùng với Vũ Văn S, Kim Sơn H, Vũ Đình H1, Đặng Thị N1, Trần Đình H2, Trần Đình T, Nguyễn Văn Đ đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh liêng. Thu giữ tại vị trí đánh bạc số tiền 10.960.000đ và thu trong người Vũ Văn S số tiền 2.590.000đ và 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 13.550.000đ.

Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam tư lợi các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Do đó cần phải áp dụng hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3]. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không xác định được người đề xuất. Bị cáo N là người chuẩn bị quân bài, dùng nhà ở của mình làm địa điểm cho các bị cáo khác đánh bạc và tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt, nên giữ vai trò thứ nhất; bị cáo S, Sơn H và Đình H1 tham gia đánh từ đầu có số tiền nhiều hơn các bị cáo khác nên giữ vai trò thứ hai. Bị cáo N1, T và H2 có số tiền ít hơn các bị cáo khác nên giữ vai trò thứ ba; Bị cáo Đ đến sau và tham gia đánh bạc thời gian ngắn nên giữ vai trò sau các bị cáo khác; HĐXX áp dụng Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tuy trước đó các bị cáo N, Đình H1, H2 đã bị xử phạt vi phạm hành chính, bị cáo S bị kết án nhưng đến nay thời gian được coi là chưa bị xử phạt hành chính và xóa tiền án, tiền sự của các bị cáo đã nhiều năm do đó các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo N, S, Sơn H, Đình H1, N1, H2, T, Đ thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo N, Sơn H, Đình H1, N1, T, H2, Đ được xác định là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo N, S, Sơn H, Đình H1, N1, T, H2 có giấy xác nhận về việc ủng hộ Covid; bị cáo S, Sơn H, Đình H1, H2 có bố mẹ để được nhà nước tặng thưởng huân huy chương nên các bị cáo đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo N tuy giữ vai trò đầu nhưng là phụ nữ; các bị cáo đánh bạc số tiền đánh bạc không lớn, không cần thiết áp dụng hình phạt tù cho các bị cáo được hưởng án treo và cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt biết tôn trọng và chấp hành pháp luật, phù hợp với quy định tại các Điều 36, 65 của Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và quan điểm đề xuất của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng. Đối với bị cáo Đ là người đến sau, tham gia đánh bạc thời

gian ngắn, bị cáo có nhân thân tốt, cần quyết định hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa phù hợp với quy định tại Điều 35 của Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung: các bị cáo đều là lao động tự do, có mức thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về vật chứng:

Số tiền 13.550.000đ, Cơ quan điều tra thu giữ, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận là tiền sử dụng để đánh bạc. Cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân là công cụ các bị cáo thực hiện tội phạm cần tịch thu cho tiêu hủy.

[7]. Các vấn đề khác: anh Đ5, anh P (chồng bị cáo N) không biết và không tham gia đánh bạc nên không có căn cứ xử lý.

[8]. Về án phí: các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với N, S, Đình H1, Sơn H, H2; Điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với N, Đình H1, Sơn H, H2; Điều 17; Điều 58; khoản 1 và khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N, Vũ Văn S, Vũ Đình H1, Kim Sơn H, Trần Đình H2 phạm Tội đánh bạc.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị N 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo**; thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/12/2021).

Xử phạt bị cáo **Vũ Văn S 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo**; thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/12/2021).

Xử phạt bị cáo **Vũ Đình H1 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo**; thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/12/2021).

Xử phạt bị cáo **Kim Sơn H 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo**; thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/12/2021).

Xử phạt bị cáo **Trần Đình H2 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo**; thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (28/12/2021).

Giao các bị cáo Nguyễn Thị N cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, giao bị cáo Vũ Văn S, Vũ Đình H1, Kim Sơn H cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, giao bị cáo Trần Đình H2 cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện C giám sát, giáo dục trong

thời gian thử thách. Gia đình Nguyễn Thị N có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã L, gia đình các bị cáo Vũ Văn S, Vũ Đình H1, Kim Sơn H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã C, gia đình bị cáo Trần Đình H2 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo.

Trường hợp các bị cáo Nguyễn Thị N, Vũ Văn S, Vũ Đình H1, Kim Sơn H, Trần Đình H2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, các bị cáo Nguyễn Thị N, Vũ Văn S, Vũ Đình H1, Kim Sơn H, Trần Đình H2 phải thực hiện các nghĩa vụ của người được hưởng án treo theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đặng Thị N1, Trần Đình T phạm Tội đánh bạc.

Xử phạt bị cáo **Đặng Thị N1 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.**

Xử phạt bị cáo **Trần Đình T 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ.**

Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan được giao giám sát giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Đặng Thị N1 cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, bị cáo Trần Đình T cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của các bị cáo Đặng Thị N1, Trần Đình T để sung quỹ nhà nước trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm Tội đánh bạc.

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn Đ số tiền **22.000.000đ** (Hai mươi hai triệu đồng) sung quỹ nhà nước.

Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b, c khoản 2; khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 13.550.000đ. Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ

52 quân. Trả lại Nguyễn Văn Đ số tiền 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

(Tiền và vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/11/2021).

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các bị cáo Nguyễn Thị N, Vũ Văn S, Kim Sơn H, Vũ Đình H1, Đặng Thị N1, Trần Đình H2, Trần Đình T, Nguyễn Văn Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Thị N, Vũ Văn S, Vũ Đình H1, Đặng Thị N1, Trần Đình H2, Trần Đình T, Nguyễn Văn Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Kim Sơn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - CA huyện Cẩm Giàng;
- Cơ quan THAHS- CA huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THSDS huyện Cẩm Giàng;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thắm